TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1254/**2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2017
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hòa.

Ông Nguyễn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 26/2016/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 543/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 4738/2017/QĐ-ST ngày 21/8/2017; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Thị Tú U, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số A đường B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1991 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đức H tự nguyện ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn Số E quyển số G ngày 28/10/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/10/2013. Quá trình chung sống giữa bà và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã thiếu tôn trọng lẫn nhau. Ông H thường lớn tiếng xúc phạm danh dự của bà. Từ đó, bà và ông H thường xuyên lánh mặt và đã sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, đoàn tụ nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Đức H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Đức H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Nguyễn Đức H có văn bản gửi tòa án trình bày ý kiến về việc bà Nguyễn Thị Tú U khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo công văn ủy thác tư pháp số 462/TTTPHNGĐ-TLĐ ngày 09/5/2016 và 1285/TTTPHNGĐ-TGĐVNCTN ngày 29/11/2016). Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có công văn đề nghị Bộ Ngoại giao thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định. Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai đối với đương sự. Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được bản tự khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc xét xử theo đúng hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Về đường lối giải quyết vụ án, đại

diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ở thời điểm hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng nguyên đơn và bị đơn đã ở mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không có nên không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Đức H hiện đang cư trú tại Nhật Bản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Đức H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu cung cấp bản khai, thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến hạn định sau cùng Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của ông Nguyễn Đức H. Xét, yêu cầu của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn Số E quyển số G ngày 28/10/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/10/2013, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tú U với ông Nguyễn Đức H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật thừa nhận.

Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Tú U, sau khi bà sang Nhật Bản sống cùng chồng thì trong đời sống hôn nhân không hạnh phúc, ông H thường có những lời lẽ, cử chỉ thiếu tôn trọng đối với bà, mâu thuẫn vợ chồng từ đó phát sinh và không thể tự tháo gỡ; sau đó bà trở về Việt Nam và từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay vợ chồng bà tự ý sống ly thân và không còn liên lạc với nhau. Bà

khởi kiện yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông H vì tình nghĩa vợ chồng không còn để tự mỗi người có cuộc sống mới.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đức H hiện đang định cư tại Nhật Bản, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định yêu cầu ông Nguyễn Đức H có ý kiến bằng văn bản gửi tòa án về trường hợp xin ly hôn của nguyên đơn nhưng ông Nguyễn Đức H không có ý kiến phản hồi.

Xét thấy, trong quá trình chung sống, theo lời khai của nguyên đơn thì vợ chồng đã không có sự tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ những công việc trong gia đình. Bất đồng về quan điểm, lối sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng trầm trọng và hôn nhân không hạnh phúc; thực tế hai người đã sống ly thân trên hai năm nay, không còn liên lạc gì với nhau. Với thực trạng trên, cho dù có duy trì hôn nhân cũng không đem lại niềm vui, hạnh phúc cho gia đình họ. Vì vậy, theo yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của của nguyên đơn Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho bà Nguyễn Thị Tú U được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Nguyễn Đức H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; đồng thời bà U phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về lời khai của mình khi tòa án giải quyết vụ án này.

Về con chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tú U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 121, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Tú U được ly hôn với ông Nguyễn Đức H.

Giấy chứng nhận kết hôn Số E quyển số G ngày 28/10/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/10/2013 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tú U phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 09898 ngày 13/01/2016 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền đã nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Giang